

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 04/10/2010

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	(250,117,702)	(2,474,991,388)	(740,539,085)	(30,606,536,045)
1	Cổ tức được nhận	11	-	3,329,055,500	18,585,000	1,995,615,480
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	4,957,808	9,915,616	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	-	4,376,347	-	63,082,332
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	(255,075,510)	(5,818,338,851)	(759,124,085)	(32,665,233,857)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	310,967,437	2,860,908,343	379,831,249	2,558,661,940
1	Phí Quản lý Quỹ	31	233,997,270	2,228,716,455	286,381,744	1,801,987,271
2	Phí Giám sát, quản lý tài sản Quỹ	32	21,440,100	173,676,100	17,839,000	121,098,053
3	Chi phí hợp, đại hội	33	7,495,547	90,743,655	28,578,163	168,989,277
4	Chi phí Kiểm toán	34	17,041,333	158,920,114	26,196,621	133,354,218
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	35	-	-	-	-
6	Các loại phí khác	38	30,993,187	208,852,019	20,835,721	333,233,121
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	(561,085,139)	(5,335,899,731)	(1,120,370,334)	(33,165,197,985)
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	3,474,535,739	23,090,365,252	12,723,957,207	123,294,540,821
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	3,474,535,739	23,090,365,252	12,723,957,207	123,294,540,821
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	-	26,119,706,136	-	(13,110,880,240)
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	-	26,119,706,136	-	(13,110,880,240)
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	3,474,535,739	(3,029,340,884)	12,723,957,207	110,183,660,581

Ngân hàng Giám sát
Phụ trách bộ phận giám sát

Người lập biểu

Công ty quản lý quỹ
Kế toán trưởng Quyền Tổng Giám Đốc

LÊ THỊ HOÀNG CHÂU
TRƯỞNG VINH AN
GD. NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ QUỸ

Ngô Thị Bạch Minh Luân

Trần Hồng Tiến

Chew Wing Kee

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 04/10/2010

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8,108,793,696	10,165,820,334	(2,057,026,638)
1.1	Tiền gửi không kì hạn	8,108,793,696	10,165,820,334	(2,057,026,638)
1.2	Tiền gửi có kì hạn	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	132,504,456,849	127,244,428,702	5,260,028,147
2.1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2.2	Trái phiếu Công ty	809,148,314	833,179,802	(24,031,488)
2.3	Cổ phiếu	130,665,091,600	125,808,668,900	4,856,422,700
2.3.1	Cổ phiếu niêm yết	130,665,091,600	125,808,668,900	4,856,422,700
2.3.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
2.4	Quyền mua	1,030,216,935	602,580,000	427,636,935
I. 3	Cổ tức được nhận	39,149,000	336,541,000	(297,392,000)
I. 4	Trái tức được nhận	9,915,616	4,957,808	4,957,808
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-	-
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Lãi tiền gửi được nhận	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	140,662,315,161	137,751,747,844	2,910,567,317
STT	Nợ			
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
II. 2	Phí quản lý phải trả	233,997,270	229,130,142	4,867,128
II. 3	Phí giám sát phải trả	21,440,100	19,481,000	1,959,100
II. 4	Các khoản phải trả khác	263,953,297	273,662,808	(9,709,511)
	Chi phí hợp phải trả	108,877,155	101,381,608	7,495,547
	Chi phí dịch vụ đầu tư phải trả	-	34,246,391	(34,246,391)
	Chi phí kiểm toán	155,076,142	138,034,809	17,041,333
	Chi phí giá OTC	-	-	-
II. 5	TỔNG NỢ	519,390,667	522,273,950	(2,883,283)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 5)	140,142,924,494	137,229,473,894	2,913,450,600
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.37%	0.38%	-0.01%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ	21,409,530	21,409,530	-
III.4	Giá trị của một Đơn vị Quỹ	6,546	6,410	136

Ngân hàng Giám sát

Quyền Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ



TRƯƠNG VINH AN
GD. NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ QUỸ



Chow Wing Kee

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 04/10/2010

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	137,229,473,894	146,131,025,818
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	2,913,450,600	(8,901,551,924)
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	2,913,450,600	(8,901,551,924)
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ	140,142,924,494	137,229,473,894
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	6,546	6,410



TRƯƠNG VĨNH AN
GD. NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ QUỸ

Quyền Tổng Giám Đốc Công ty quản lý quỹ



Chow Wing Kee